

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/HS-ST

Ngày: 08/4/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Đức và ông Huỳnh Khắc Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Nguyệt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Phạm An D, tên gọi khác: không;. Giới tính: Nam; Sinh năm 1995; Số căn cước công dân: 054095011631, cấp ngày 05/12/2021; Nơi cư trú: Thôn T, xã L, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12. Cha: Phạm Tấn T, sinh năm 1975; Mẹ: Lê Thị Kim H, sinh năm 1977. Vợ: Võ Thị S, sinh năm 1999. Có 01 con sinh năm 2024.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang tại ngoại. *Có mặt tại phiên tòa.*

Bị hại: Nguyễn Thị H, sinh năm 2003; Nơi cư trú: Khu phố P, phường B, tỉnh Đắk Lắk. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, tỉnh Đắk Lắk. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

2. Bà Nguyễn Hương L, sinh năm 1992; Nơi cư trú: đường N, xã T, tỉnh Đắk Lắk. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

3. Ông Võ Nhựt H, sinh năm 1999; Nơi cư trú: đường N, xã T, tỉnh Đắk Lắk. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

4. Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Thôn T, xã L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ ngày 11/10/2025, Phạm An D điều khiển xe mô tô biển số 78H1 - 277.02 (xe do D đứng tên chủ sở hữu) đi dọc tuyến Quốc lộ 1A mục đích cướp giật tài sản của người khác. Khi đi đến khu vực Cây xăng Chóp Chài thuộc khu phố P, phường B, tỉnh Đắk Lắk, D thấy chị Nguyễn Thị H đang bán cà phê ở lề đường nên D đeo khẩu trang, dùng khẩu trang che biển số xe mô tô rồi đến gặp chị H hỏi mua cà phê. D hỏi mượn điện thoại của chị H nói là để gọi điện thoại cho bạn, chị H đồng ý và đưa 01 điện thoại di động hiệu iPhone 12, màu trắng cho D mượn. D giả vờ gọi điện thoại, nhân lúc chị H đang pha cà phê thì D bỏ chiếc điện thoại trên vào túi áo rồi điều khiển xe mô tô nhanh chóng tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát, D tháo thẻ sim số thuê bao 0373426422 rút đi rồi đến cửa hàng điện thoại của anh Võ Nhựt H ở thôn C, xã T, tỉnh Đắk Lắk gặp và đề nghị anh H cài đặt lại chương trình, nhưng do không có mật khẩu Icloud nên không thực hiện được. Sau đó, D đến cửa hàng điện thoại S của chị Nguyễn Hương L ở thôn C bán chiếc điện thoại trên cho anh Nguyễn Hữu D (nhân viên cửa hàng) với giá 1.200.000 đồng, D sử dụng tiêu xài hết. Chị H đã trình báo Cơ quan Công an xác minh, làm rõ sự việc.

Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: chiếc điện thoại di động hiệu iPhone 12 trị giá 5.300.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKSKV11 ngày 22/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Phạm An D phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim H là mẹ của bị cáo trình bày chiếc xe mô tô biển số 78H1 - 277.02 là do tiền của ba mẹ mua cho bị cáo đứng tên, nên xin được nhận lại; đối với số tiền cho bị cáo để bồi thường thì không yêu cầu bị cáo phải trả lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm An D phạm tội “Cướp giật tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 171; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2025 đến ngày 11/12/2025. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đồng, người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại 1.200.000 đồng, không yêu cầu gì thêm nên không xem xét. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ: 01 áo khoác bằng vải, màu tím; 01 quần soọc Jean màu đen; 01 áo thun có cổ, phía trước ngực có chữ “MENS WEAR”; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ; 01 đôi dép màu đen vì bị cáo không yêu cầu nhận lại, không có giá trị sử dụng; Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 xe mô tô biển số 78H1 – 277.02 do bị cáo đứng tên chủ sở hữu và sử dụng vào việc phạm tội; Trả lại cho bị cáo Phạm An D 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 7 do không sử dụng khi thực hiện tội phạm.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Vì vậy, đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 11/10/2025, tại phường B, tỉnh Đắk Lắk, Phạm An D đã có hành vi giả vờ mượn chiếc điện thoại di động hiệu iPhone 12 trị giá 5.300.000 đồng chị Nguyễn Thị H để gọi điện cho bạn, lợi dụng sơ hở của chị H, D đã chiếm đoạt chiếc điện thoại rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự nên cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk truy tố bị cáo và luận tội của kiểm sát viên tại phiên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo:

[3.1] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người bị hại trái pháp luật, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại Nguyễn Thị H số tiền 5.000.000 đồng, người có quyền

lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hương L số tiền 1.200.000 đồng; người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự nên xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà phấn đấu cải tạo, sớm trở thành công dân tốt.

[4] Đối với Võ Nhật H, Nguyễn Hữu D có nhận sửa và mua điện thoại nhưng do không biết rõ điện thoại do D phạm tội mà có nên hành vi không cấu thành tội phạm.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án: Hội đồng xét xử thống nhất xử lý như đề nghị của Kiểm sát viên.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm An D phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 171; các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm An D: **01 (Một) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2025 đến ngày 11/12/2025.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 áo khoác bằng vải, màu tím; 01 quần soọc Jean màu đen; 01 áo thun có cổ, phía trước ngực có chữ “MENS WEAR”; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ; 01 đôi dép màu đen vì không có giá trị sử dụng;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 xe mô tô biển số 78H1 – 277.02 của bị cáo Phạm An D, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³ nhãn hiệu Honda, số loại Winner, màu sơn đỏ đen, số máy KC26E1079021, số khung RLHKC2604GY050110, dung tích xi lanh 149,1 cm vì sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Phạm An D: 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 7 màu đen.

Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 22/01/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Đắk Lắk.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Bị cáo Phạm An D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- PC 02 - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- PV 06 - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 11 – Đắk Lắk;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Nhật